

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN VẬT LIỆU

Tên thương mại	SHL SYNTHDRO 100AW
----------------	--------------------

1. SẢN PHẨM HÓA CHẤT VÀ NHẬN DẠNG CÔNG TY

Tên thương mại	SHL SYNTHDRO 100AW
Đặc tính chung	Hydrocarbon dầu mỡ và các chất phụ gia
Ứng dụng	Dầu thủy lực
Phân loại nguy hiểm	Không áp dụng
Tên và địa chỉ nhà sản xuất	SHL ASEAN CO., LTD.
Địa chỉ: Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1-Conac, Phường Mỹ Xuân, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam.	
TEL: +84(0) 2543 876 287 - Fax: +84(0) 2543 876 288	
Tên nhà cung cấp	SHL ASEAN CO., LTD.
Phòng ban	Viện kỹ thuật

2. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

Phân loại nguy hiểm ở Hàn Quốc

Chất nguy hiểm qua hô hấp nhóm 4

NHÃN

Hình GHS



Từ kí hiệu

Cảnh báo

Báo cáo nguy hiểm

Khi hít phải, có hại

Biện pháp phòng ngừa

Ngăn ngừa

Rửa tay sau khi tiếp xúc.

Đọc hướng dẫn trước khi sử dụng.

Tránh hít phải bụi, khói, ga, hơi và khí.

Sử dụng ngoài trời hoặc nơi thoáng khí.

Bảo vệ cá nhân, tránh hiện tượng lẫn trượt và ăn mòn.

Không thải ra môi trường .

Biện pháp đối phó

Nếu cảm thấy bất thường, liên hệ bác sĩ cơ sở y tế để kiểm tra.

Nếu gây kích ứng da, hãy điều trị y tế.

Rửa sạch da bằng xà phòng và nhiều nước.

Cởi quần áo và giày dép bị ô nhiễm.

Khi hít vào, di chuyển đến nơi có không khí trong lành hít thở, giữ thẳng bằng trong tư thế dễ chịu.

Bảo quản

Niêm phong và bảo quản.

Xử lý

Vứt bỏ bằng hệ thống tự xử lý hợp pháp hoặc thông qua công ty xử lý chất thải.

NGUY HIỂM KHÁC

Tiếp xúc nhiều lần có thể gây kích ứng nhẹ.

Hơi lỏng có thể gây nôn mửa và chóng mặt.

Hít phải hơi trong điều kiện môi trường xung quanh thường không phải là vấn đề.

Chỉ số NFPA

Sản phẩm paraffinic nặng đã xử lý hydro : Sức khỏe cộng đồng : 1, Cháy : 1, Phản ứng : 0

Phụ gia chống mài mòn : Sức khỏe cộng đồng : 1, Cháy : 1, Phản ứng : 0

Sản phẩm dung môi phân đoạn cuối qua tinh chế hydro: Sức khỏe cộng đồng: 1, Cháy: 1, Phản ứng: 0

Triệu chứng mãn tính Không có dữ liệu

Tính gây ung thư Không gây ung thư

Luật An toàn và Sức khỏe Công nghiệp (ở Hàn Quốc): Không được phân loại

Cơ quan Quản lý An toàn & Sức khỏe Nghề nghiệp (OSHA): Không
Chương trình độc chất học quốc gia (NTP): Không
Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Quốc tế (IARC): Không

3. THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Nhận danh hóa chất	Đồng danh	Số CAS	Nồng độ (%)
Sản phẩm chưng cất paraffinic nặng đã xử lý hydro	Dầu khoáng	64742-54-7	≥ 95
Dầu cặn (Dầu mỏ)		64742-54-0	5 - 15
Phụ gia chống mài mòn	Bảo mật	Bảo mật	< 5
Methyl Methacrylate, Polyme hóa	Polymethyl methacrylate	9011-14-7	< 0.5

Giới hạn phơi nhiễm cho sản phẩm: 5mg/m³ f hoặc hơi dầu trong không khí (ACGIH TLV, OSHA PEL)

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

MÔ TẢ CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Dính vào mắt

Xả kỹ với nước.

Nếu xảy ra kích ứng, hãy nhờ hỗ trợ y tế.

Gỡ bỏ kính áp tròng, nếu có. Tiếp tục xả nước.

Nếu mắt đỏ ngứa và tụ máu liên tục, hãy điều trị y tế.

Dính vào da

Rửa sạch vị trí tiếp xúc bằng xà phòng và nước.

Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi mặc lại.

Nếu kích ứng vẫn liên tục duy trì trên da, nhận điều trị y tế.

Hít phải

Rời khỏi nơi tiếp xúc.

Nếu khó thở, đưa nạn nhân đến nơi có không khí trong lành và nghỉ ngơi ở tư thế dễ thở.

Nếu cần thiết, nên kiểm tra nồng độ dạ dày.

Nếu cần thiết, hãy tìm kiếm sự chăm sóc y tế.

Nuốt phải

Ngay lập tức, nhận điều trị y tế.

Lời khuyên từ bác sĩ

Tiếp xúc lâu dài có thể bị viêm da.

Nếu cần thiết, nên kiểm tra nồng độ dạ dày.

5. CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY

Phương tiện chữa cháy phù hợp

Hóa chất khô, cacbon dioxit, nước, bột chữa cháy.

Phương tiện chữa cháy không phù hợp

Dùng trực tiếp nước.

Chất nguy hiểm sinh ra trong quá trình cháy

Chất độc sinh ra.

Khói lửa, hơi khói, các sản phẩm cháy không hoàn toàn, các oxit của cacbon, NOx, SOx.

Phương pháp chữa cháy và công cụ chữa cháy

Người cứu hộ mang thiết bị bảo hộ thích hợp.

Sơ tán khu vực.

Ngăn chặn dòng chảy từ nguồn hỏa hoạn hoặc chất pha loãng chảy vào cống rãnh hoặc nguồn cung cấp nước uống.

Tắt tất cả các nguồn nhiên liệu nếu có thể và sử dụng nước để làm mát các vật liệu tiếp xúc với lửa.

Sử dụng nước để làm mát các bể chứa, vật chứa và công trình tiếp xúc với lửa.

Nhân viên chữa cháy nên sử dụng thiết bị bảo hộ tiêu chuẩn và trong không gian kín, thiết bị thở khép kín.

Sử dụng bình xịt nước để làm mát các bề mặt tiếp xúc với lửa và để bảo vệ nhân viên.

Tránh hít phải các chất nguy hiểm sinh ra trong quá trình cháy và tránh tiếp xúc với da.

Sử dụng bột nếu tiếp xúc với nhiệt và lửa.

Điểm chớp cháy [Phương pháp] : 240 °C (ASTM D-92)

Trên/ dưới giới hạn cháy (Thể tích % trong không khí) : Không có dữ liệu

Nhiệt độ tự bốc cháy: Không có dữ liệu

6. CÁC BIỆN PHÁP THOÁT KHỎI TAI NẠN

BẢO VỆ CÁ NHÂN, THIẾT BỊ BẢO VỆ VÀ CÁC THỦ TỤC KHẨN CẤP

Thủ tục thông báo

Trong trường hợp bị tràn hoặc do tai nạn, hãy thông báo cho các cơ quan chức năng có liên quan theo tất cả các quy định ban hành.

Các biện pháp bảo vệ

Tránh tiếp xúc với vật liệu bị đổ.

Thay quần áo bị nhiễm bẩn sang quần áo mới.

Đeo mặt nạ phòng độc hoặc thông gió trong phòng kín gió.

Trong trường hợp không đủ thông gió, hãy đeo thiết bị bảo vệ đường hô hấp.

Tắt nguồn tiếp xúc hoặc loại bỏ các nguồn phát lửa.

Tránh tiếp xúc với vật liệu bị đổ.

BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Chống ô nhiễm nước.

Không phơi chất ra ngoài môi trường tự nhiên.

Nếu khu vực đã bị ô nhiễm, loại bỏ chất bằng các chất hấp thụ.

BIỆN PHÁP LÀM SẠCH

Sử dụng cát hoặc vật liệu hấp phụ chống cháy.

Thu lại các chất bị đổ ra vào thùng chứa thích hợp để xử lý chúng.

7. XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN

CHÚ Ý TRONG XỬ LÝ AN TOÀN

Tránh tiếp xúc với da, mắt, tránh hít phải hơi.

Ngăn sự cố tràn nhỏ và rò rỉ để tránh trơn trượt nguy hiểm.

Không ăn hay hít phải chất. Rửa sạch tay và mặt sau khi xử lý.

Không làm nóng hay làm đầy áp thùng chứa rỗng.

Xử lý chất theo các quy tắc và quy định hiện hành.

Nhiệt độ tải hàng/ dỡ hàng: Nhiệt độ môi trường xung quanh.

Nhiệt độ vận chuyển: Nhiệt độ môi trường xung quanh.

Áp suất khi vận chuyển: Áp suất môi trường xung quanh.

ĐIỀU KIỆN ĐỂ LƯU TRỮ AN TOÀN

Đóng kín thùng chứa.

Xử lý thùng chứa cẩn thận. Mở từ từ để điều chỉnh áp suất ra ngoài.

Lưu trữ trong khu vực thông thoáng.

Lưu trữ chất theo các quy tắc và quy định ban hành.

Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ môi trường xung quanh.

Áp suất bảo quản: Áp suất môi trường xung quanh.

8. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC / BẢO VỆ CÁ NHÂN

GIỚI HẠN TIẾP XÚC NGHỀ NGHIỆP

Nhận dạng hóa học	Giới hạn ở Hàn Quốc	ACGIH kiểm soát hoạt động	Giới hạn sinh học
Sản phẩm chưng cất paraffinic nặng đã xử lý hydro	Không có dữ liệu	TWA: 5mg/m ³ . STEL: 10mg/m ³	Không có dữ liệu
Các thành phần khác	Không có dữ liệu	Không có dữ liệu	Không có dữ liệu

KIỂM SOÁT KỸ THUẬT

Phải cung cấp hệ thống thông gió đầy đủ phù hợp với thực hành kỹ thuật tốt để hơi giữ dầu có nồng độ dưới PEL.

Kiểm tra xem độ phơi sáng có phù hợp với tiêu chí phơi sáng hay không.

BẢO VỆ CÁ NHÂN

Bảo vệ hô hấp

Nên đeo mặt nạ hô hấp nếu thường xuyên sử dụng với chất lỏng này hoặc tiếp xúc quá mức.

Nếu sản phẩm được xử lý theo cách tạo ra hơi, nên sử dụng mặt nạ phòng độc đã được phê duyệt để tránh phơi nhiễm quá mức.

Sử dụng mặt nạ phòng độc che kín mặt hoặc mặt nạ phòng độc làm sạch không khí đối với hơi hữu cơ.

Mặt nạ sẽ được cơ quan An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp Hàn Quốc chứng nhận.

Bảo vệ mắt

Đeo mắt kính chống hóa chất để bảo vệ mắt khỏi chất phân tán hoặc chất lỏng có hại.

Lắp đặt hệ thống rửa mắt gần khu vực làm việc.

Bảo vệ tay

Mang găng tay chống hóa chất.

Bảo vệ cơ thể

Mặc đồ bảo hộ chống hóa chất.

9. THÔNG TIN LÝ HÓA

Hình thức tự nhiên	Chất lỏng màu vàng nhạt trong suốt
Mùi	Mùi hydrocarbon đặc trưng
pH	Không có dữ liệu
Điểm nóng chảy	< - 20 °C
Nhiệt độ sôi	Không có dữ liệu
Điểm chớp cháy	240 °C (ASTM D92)
Sự oxi hóa	Ổn định
Tính dễ cháy	Dễ cháy ở nhiệt độ trên Điểm chớp cháy
Sự cháy nổ	Ổn định
Áp suất hơi	< 0.1 mmHg @20 °C
Độ hòa tan trong nước	Không tan trong nước
Mật độ hơi	> 1 (Air=1)
Tỷ trọng	0.88 (15/4 °C)
Hệ số phân bố	Không có dữ liệu
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có dữ liệu
Nhiệt độ phân hủy	Không có dữ liệu
Độ nhớt	100 cSt (40 °C)
Khối lượng phân tử	Không có dữ liệu

10. ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ HOẠT TÍNH

Độ ổn định

Ổn định ở điều kiện nhiệt độ và áp suất thường, sử dụng ở điều kiện thường.

Khả năng tạo ra các chất nguy hiểm trong quá trình cháy

Không xảy ra.

Điều kiện và chất cần tránh

Tất cả các nguồn gây cháy và quá nhiệt, và vật liệu cấm tiếp xúc (chất oxy hóa mạnh).

Chất tạo ra trong quá trình phân hủy

Các sản phẩm phân hủy nhiệt bao gồm các hợp chất Carbon độc hại (VD: CO, ..).

Khói độc, các khí gây kích ứng hoặc ăn mòn có thể sinh ra trong quá trình phân hủy nhiệt.

11. THÔNG TIN CHẤT ĐỘC

NGUY CƠ KHẨN CẤP VÀ MÔI NGUY HẠI

Hít phải

Hít hơi có thể gây kích ứng đường hô hấp và ho, khó thở, buồn ngủ, chóng mặt, đau đầu và buồn nôn, tất nghẽn phổi, viêm phế quản.

Đính vào mắt

Có thể gây kích ứng nhẹ, gây thương tổn.

Đính vào da

Có thể gây kích ứng hoặc phản ứng dị ứng da. Tiếp xúc nhiều lần có thể gây ra các vấn đề về da.

Nuốt phải

Nuốt phải có thể gây kích ứng, nôn mửa, tiêu chảy, đau dạ dày, gan và thận.

THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

Độc tính cấp tính đường miệng

Sản phẩm paraffinic nặng đã xử lý hydro: LD50 > 5000 mg/kg Chuột

Thành phần khác: Không có dữ liệu

Độc tính cấp tính qua da

Sản phẩm paraffinic nặng đã xử lý hydro: LD50 > 5000 mg/kg Thỏ

Thành phần khác: Không có dữ liệu

Độc tính cấp tính khi hít phải

Sản phẩm paraffinic nặng đã xử lý hydro: LC50 2.18 mg/l 4 hr Chuột (hơi dầu)

Thành phần khác: Không có dữ liệu

Kích ứng da

Kích ứng thấp

Kích ứng mắt

Kích ứng thấp

Độc tính cấp tính

Không có dữ liệu

Độc tính liều lặp lại

Không có dữ liệu

Biến đổi gen

Không áp dụng

Ảnh hưởng tới thể hệ sau

Không áp dụng

Tính gây ung thư

Không áp dụng (< 3% (DMSO))

Lời khuyên bổ sung

Tiếp xúc nhiều lần có thể làm giảm chất béo của da và dẫn đến viêm da.

12. THÔNG TIN SINH THÁI

ĐỘC TÍNH THỦY SINH VÀ ĐỘC TÍNH SINH THÁI

Độc tính thủy sinh mãn tính

Dự kiến chất này không gây độc cho các sinh vật sống dưới nước

Cá	LC50: >5000mg /L 96 giờ (Sản phẩm chưng cất paraffinic nặng đã được xử lý hydro)
Động vật không xương sống	EC50: >1000mg /L 48 giờ Daphnia (Sản phẩm chưng cất paraffinic nặng đã được xử lý hydro)
Tảo	EC50: >1000mg /L 96 giờ (Sản phẩm chưng cất paraffinic nặng đã được xử lý hydro)

LAN TRÊN ĐẤT

Dầu khoáng bôi trơn, ngay sau khi thải ra môi trường, phần lớn sẽ vẫn còn trên mặt đất, trên mặt nước và trong nước.

ĐỘ BỀN/ KHẢ NĂNG PHÂN HỦY

6% phân hủy trong 28 ngày. (Sản phẩm chưng cất Paraffinic nặng đã được xử lý hydro).

Sản phẩm này được kỳ vọng có khả năng chống phân hủy sinh học và tồn tại lâu trong môi trường.

KHẢ NĂNG PHÂN HỦY SINH HỌC: Không có dữ liệu

13. XEM XÉT XỬ LÝ

QUY ĐỊNH CỦA VIỆC QUẢN LÝ CHẤT THẢI

Được phân loại theo chất thải quy định.

PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ CHẤT THẢI

Xử lý theo hệ thống tự xử lý hợp pháp hay thông qua công ty xử lý chất thải.

Quản lý theo các cơ sở xử lý chất thải thích hợp.

CHÚ Ý KHI XỬ LÝ

Tuân theo các tiêu chuẩn cụ thể của Luật quản lý chất thải.

CẢNH BÁO THÙNG CHỨA RỖNG

Các thùng chứa rỗng có thể chứa chất dư thừa và có thể nguy hiểm.

Không cố làm đầy hay làm sạch các thùng chứa khi không có các hướng dẫn thích hợp.

Các thùng phi trống nên trút hết chất và lưu trữ an toàn cho tới khi sửa chữa lại hay xử lý.

Các thùng phi trống nên đưa vào tái chế, phục hồi, hay xử lý thông qua nhà thầu có chất lượng phù hợp hay đã có giấy phép và theo các quy định của nhà nước.

KHÔNG ÉP, CẮT, HÀN, KHOAN, MÀI HOẶC MỞ RỘNG ĐỘ CHỨA ĐÓ ĐỂ GIA NHIỆT, TÍNH ĐIỆN HOẶC CÁC NGUỒN ĐÁNH LỬA KHÁC.

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Phân loại và quy định Theo quy tắc vận chuyển và bảo quản tàu về vật liệu nguy hiểm của luật an toàn tàu: Không quy định

Chú ý trong quá trình vận chuyển: Không có dữ liệu

Chất ô nhiễm biển: Không có dữ liệu

Phân loại và Quy định Theo Quy tắc Vận tải Nước ngoài: Không được quản lý vận chuyển theo mã UN, IMDG, ADR / RID, IATA / ICAO

15. THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH

Luật quản lý chất độc hại Không áp dụng

Luật quản lý an toàn khí áp cao Không áp dụng

Luật quản lý an toàn hàng nguy hiểm

Loại dầu thứ 4 thuộc nhóm chất độc hại thứ tư

Quy định theo luật nước ngoài

EC: Phân loại EC: Không áp dụng

Ký hiệu EC: Không áp dụng

Dữ liệu về rủi ro và an toàn của EC: Không áp dụng

OSHA : Không áp dụng

USA : CERCLA 103(40CFR302.4): Không áp dụng

OSHA(29CFR1910.119): Không áp dụng

SARA 302(40CFR355.30): Không áp dụng

SARA 304(40CFR355.40) : Không áp dụng

SARA 313(40CFR372.65) : Không áp dụng

TSCA: Đã được liệt kê

16. THÔNG TIN KHÁC

Nguồn

Các dữ liệu nguyên vật liệu của các phòng thí nghiệm của chúng tôi, Cơ quan Sức khỏe và an toàn nghề nghiệp Hàn Quốc và nhà cung cấp vật liệu thô.

Viết ngày 10/03/2018

Số lần sửa đổi. Sửa đổi lần cuối ngày Rev.4 15/06/2021

Tài liệu tham khảo khác

Các thông tin và khuyến nghị ở đây là kiến thức tốt nhất và niềm tin của chúng tôi, chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày ban hành. Các thông tin và khuyến nghị được cung cấp cho người sử dụng xem xét, kiểm tra. Đó là trách nhiệm của người sử dụng để đáp ứng rằng sản phẩm là phù hợp cho mục đích sử dụng. Nếu người mua đóng gói lại sản phẩm này, trách nhiệm của người mua là đảm bảo sức khỏe, an toàn và các thông tin cần thiết khác đính kèm trên thùng chứa. Các thủ tục xử lý an toàn và cảnh báo phù hợp nên được cung cấp cho người xử lý và người sử dụng. Nghiêm cấm việc thay đổi tài liệu này. Trừ trường hợp pháp luật yêu cầu, không được phép công bố lại hoặc truyền lại toàn bộ hay một phần phần tài liệu này. Nếu bạn mua sản phẩm để cung cấp cho bên thứ ba để sử dụng ở nơi làm việc, trách nhiệm của bạn là nắm rõ các bước cần thiết để đảm bảo rằng bất cứ ai xử lý hoặc sử dụng sản phẩm được cung cấp đầy đủ thông tin trong bảng này. Nếu bạn là chủ, trách nhiệm của bạn là nói cho nhân viên và những người khác có thể bị ảnh hưởng bởi bất kỳ nguy hiểm đã được mô tả trong bảng này và sự phòng ngừa nên được nắm rõ.